

Bản án số: 461/2019/HC-PT
Ngày 17 - 7 - 2019
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Đặng Quốc Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo-Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Trần Anh Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 699/2018/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2018/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1229/2019/QĐPT ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1961; Địa chỉ: B, khu phố D, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Lê T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1955 (vắng mặt).

2/ Bà Chu Thị Q, sinh năm 1924 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: B, khu phố D, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3/ Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1984; Địa chỉ: A, đường 2, khu phố 6, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà Q, ông T, bà M: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1961; Địa chỉ: B, khu phố D, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, số 90, Hưng Đạo Vương, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa: Ông Nguyễn Tấn Long – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng, người khởi kiện bà Phạm Thị C trình bày như sau:*

Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23, phường Long Bình Tân có từ năm 1968 được cấp bằng khoán. Năm 1984 ông Giang Văn P mua và cất nhà do Sở xây dựng thời đó cấp năm 1985 là 200m² tới năm 1991 bà C mua lại 200m² của nhà ông P. Đến năm 1992 mua thêm của ông Thọ là 47,6m² liền kề nên thửa đất có hình chữ L. Tổng diện tích thực tế bà đã mua là 249,7m². Năm 1996 Nhà nước mới quy hoạch dự án đường ranh 7m. Năm 1997 Nhà nước làm đường lần thứ nhất có đền bù hiện vật trên đất không đền bù tiền tiền đất. Năm 2003, Nhà nước có đủ thành phần tham gia đo vẽ bản đồ, tỷ lệ trích vẽ 1/500 tờ bản đồ số 23 thuộc thửa 88 và số hiệu thửa đất bản đồ gốc 207591-5-4 thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2006 Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 619331 ngày 15/5/2006 với diện tích 249,7m² và hàng năm gia đình bà C đóng thuế đầy đủ.

Năm 2009 Nhà nước tiếp tục đi đo đạc để chuẩn bị giải tỏa toàn bộ thửa đất số 88 nằm trong quy hoạch dự án xây dựng vòng xoay ngã tư Vũng Tàu theo Quyết định 171 ngày 18/02/2009, nhưng sau đó Nhà nước thay đổi diện tích dự án chỉ thu hồi một phần thửa đất số 88 diện tích 47,6m² để xây dựng cầu vượt ngã tư Vũng Tàu hiện tại.

Đến năm 2014 Nhà nước làm đường lần 02 – xây dựng cầu vượt ngã tư Vũng Tàu giải tỏa và thu hồi của gia đình bà C 47,6m² đồng thời nhận bồi

thường 4.675.000đ tiền tài sản trên đất mà không được bồi thường tiền đất, tuy nhiên tại thời điểm thu hồi đất thì không ban hành Quyết định thu hồi đất để cho gia đình bà được biết, nay tổng diện tích còn lại của thửa đất số 88 là 202m², Như vậy thửa đất nhà bà được sử dụng ổn định trước năm 1993, trước khi Nhà nước quy hoạch và khi có quy hoạch Nhà nước giải tỏa thu hồi đất gia đình bà C thì phải đền bù tiền đất cho gia đình bà, dù diện tích đất đã bị thu hồi có nằm trong hành lang lộ giới hay không, bà C chỉ biết rằng thửa đất số 88 tờ bản đồ số 23 có nguồn gốc từ những năm 1968.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 3094/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai – Về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị C. Vì bà có đủ giấy tờ thể hiện chủ quyền sử dụng trên phần đất của thửa số 88 đã bị thu hồi 47,6m². Sau khi giải tỏa gia đình bà C vẫn nhận được thông báo nộp thuế 249,7m²

-Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai – Người đại diện theo ủy quyền ông Võ Văn C, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trình bày:

Ngày 24/5/2016 Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa ban hành Quyết định 2492/QĐ-UBND giải quyết bác nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Ngọc L vì không có cơ sở để xem xét. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2492/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, bà Phạm Thị C khiếu nại lần 02 lên Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu bồi thường 47,6m² đất bị thu hồi.

Sau khi Thanh tra tỉnh thẩm tra, xác minh và có Báo cáo số 131/BC-TT ngày 19/7/2016, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 số 3094/QĐ –UBND ngày 26/9/2016 bác nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị C. Lý do, thửa đất số 88 tờ bản đồ số 23 tại phường Long Bình Tân thì một phần của thửa đất số 88 với diện tích 41,4m² nằm trong ranh giải phóng mặt bằng 7m hành lang lộ giới của tuyến Quốc lộ 51 thực hiện năm 1997 (hộ ông L bà C đã được tính toán bồi thường nhà trên diện tích 41,4m² đất thuộc phạm vi giải tỏa và tiền trợ cấp khác với tổng số tiền là 3.456.320đ và ông L đã ký nhận tiền bồi thường trợ cấp năm 1996). Diện tích đất thu hồi thực tế 22.6m² của hộ ông L bà C nằm trong tổng diện tích 41,4m² như đã trình bày.

Việc bà C yêu cầu bồi thường 47,6m² đất thực tế vì bà C cho rằng diện tích được cấp Giấy CNQSD đất số AĐ 619331 là 249,7m² sau khi thu hồi diện tích còn lại là 202,1m² đất, do đó diện tích đất thu hồi phải là 47,6m². Tuy nhiên trong diện tích cấp giấy 249,7m² bao gồm cả 41,4m² nằm trong diện tích ranh giải phóng mặt bằng 7m hành lang lộ giới của tuyến Quốc lộ 51 thực hiện năm 1997 và diện tích cấp giấy lớn hơn diện tích bản đồ thu hồi, nguyên nhân là đo đạc (lúc cấp giấy đo bao) nên có sự chênh lệch, diện tích còn lại là 202,1m² mới đúng. Căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị định số 203- HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ, Văn bản 3406/UBT ngày 06/8/1997 UBND tỉnh quy định về một số nội

dung bồi thường, trợ cấp giải phóng mặt bằng Quốc lộ 51 quy định nhà cửa công trình xây dựng sau ngày 21/12/1982 nằm trong hành lang lộ giới theo Nghị định 203-HĐBT không được bồi thường đất mà chỉ bồi thường tài sản trên đất. Căn cứ quy định trên thì 22,6m² đất thu hồi của hộ bà C thực hiện dự án xây dựng cầu Đồng Nai mới và tuyến hai đầu cầu không được bồi thường về đất vì nằm trong ranh giải phóng mặt bằng 7m hành lang lộ giới của tuyến Quốc lộ 51 thực hiện năm 1997, chỉ được bồi thường phần tài sản trên đất. Đó đó bà C yêu cầu khiếu nại bồi thường 47,6m² đất là không có cơ sở. Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với đơn của bà Phạm Thị C là đúng quy định pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Nguyễn Ngọc L, bà Chu Thị Q, ông Nguyễn Nhật T, bà Nguyễn Thị Trúc M: Thông nhất, đồng ý với trình bày của bà Phạm Thị C.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa – Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa ông Nguyễn Tấn Long, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai bút lục 221 ông Long trình bày:

Bà Phạm Thị C khởi kiện có liên quan đến Quyết định 2492/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc L và bà Phạm Thị C (lần đầu) – Là quyết định bác nội dung đơn đề ngày 04/01/2016 của ông L và bà C khiếu nại Quyết định 3667/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc bồi thường hỗ trợ cho ông bà L, C do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Cầu Đồng Nai mới và Tuyến hai đầu cầu tại phường Long Bình Tân và phường An Bình, thành phố Biên Hòa.

Cụ thể, gia đình bà C yêu cầu bồi thường đất thu hồi 47,6m². Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa ban Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 căn cứ theo quy định pháp luật:

-Căn cứ vào Quyết định 3268/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích và gia hạn giới thiệu địa điểm tại Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 21/11/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.

-Thông báo số 8725/TB-UBND ngày 17/10/2013 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu Đồng Nai mới và tuyến hai đầu cầu thuộc phường An Bình và phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa.

- Quyết định 3700/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

-Quyết định 3667/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của UBND thành phố Biên Hòa về việc bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Ngọc L do thu hồi đất để thực hiện dự án.

Sau khi nhận được Quyết định số 3667, gia đình ông L, bà C không đồng ý và gửi đơn khiếu nại ngày 01/01/2016 yêu cầu bồi thường đất thu hồi 47,6m². Xét báo cáo thanh tra của thành phố số 14/BC-TTr ngày 22/3/2016 của Thanh tra thành phố và kết quả, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông L, bà C. Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 88 tờ bản đồ số 23 phường Long Bình Tân do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện ngày 24/4/2014 và giấy xác nhận nguồn gốc đất số 113/XN-UBND ngày 20/5/2014 của UBND phường Long bình Tân (BL: 212) thể hiện: Diện tích đất thu hồi của ông L, bà C tại dự án xây cầu Đồng Nai mới và Tuyến hai đầu cầu là 22,6m², không phải là 47,6m² như bà C yêu cầu. Do thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện việc đo bao thửa đất nên có sự chênh lệch diện tích đất cấp giấy và diện tích bản đồ thu hồi phần diện tích thuộc hành lang lộ giới này đã được UBND thành phố Biên Hòa có Quyết định số 3181/2015/QĐ-UBND ngày 8/9/2015 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 619331 ngày 15/5/2006, lý do thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ do diện tích 249,7m² đất cấp cho ông L, bà C bao gồm cả phần đất 41,4m² nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ đường bộ tuyến quốc lộ 51 đã thực hiện giải phóng mặt bằng năm 1997. Phần diện tích 22,6m² thu hồi này nằm trong diện tích 41,4m² đất trong phạm vi ranh giải phóng mặt bằng 7m hành lang lộ giới của tuyến Quốc lộ 51 đã thực hiện xong từ năm 1997 (hộ ông L, bà C đã được tính toán bồi thường tài sản trên diện tích 41,4m² đất thuộc phạm vi giải tỏa. Căn cứ Khoản 1 Điều 7, Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Văn bản số 3406/UBT ngày 06/8/1997 của Ủy ban tỉnh Đồng Nai quy định một số nội dung bồi hoàn, trợ cấp giải phóng mặt bằng Quốc lộ 51. Theo đó nhà cửa công trình xây dựng sau ngày 21/12/1982 nằm trong hành lang lộ giới theo Nghị định 203-HĐBT không được bồi thường đất mà chỉ bồi thường tài sản trên đất. Do đó Quyết định 3667/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố Biên Hòa chỉ tính bồi thường tài sản nhà, vật kiến trúc trên đất thu hồi của gia đình ông L, bà C mà không tính bồi thường diện tích đất thu hồi nằm trong ranh giải phóng mặt bằng 7m Quốc lộ 51 thực hiện năm 1997 là thực hiện đúng quy định. Như vậy UBND thành phố Biên Hòa ban hành Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L bà C là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2018/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 204 Luật đất đai năm 2013. Điều 64 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về việc: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3094/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2018, bà C kháng cáo không đồng ý với án sơ thẩm, yêu cầu được bồi thường đất bị thu hồi.

Tại phiên tòa hôm nay, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà C trình bày tranh luận: Đất của bà có nguồn gốc trước giải phóng nên khi Nhà nước thu hồi phải bồi thường. Trước kia bà đã khiếu nại quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất, chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai đã giải quyết bác yêu cầu của bà, bà đã khởi kiện ra TAND tỉnh Đồng Nai, sau đó kháng cáo lên TAND cấp cao tại TP.HCM nhưng đều bị bác yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Diện tích đất thu hồi của bà C là 22,6m², không phải thu hồi 47,6m² như bà C trình bày. Diện tích thu hồi nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ nên không được bồi thường về đất, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà C là có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Ngày 26/9/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số 3094/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị C yêu cầu bồi thường diện tích 47,6m² đất bị thu hồi thực hiện dự án xây dựng cầu vượt tuyến quốc lộ 51, theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai bác khiếu nại của bà C. Bà C khởi kiện quyết định 3094/QĐ-UBND ra Tòa yêu cầu hủy bỏ quyết định này.

[2]- Diện tích 47,6m² là một phần (phần tiếp giáp quốc lộ 51) thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho vợ chồng bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Ngọc L ngày 15/5/2006, diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 249,7m² đất ở đô thị. Nguồn gốc thửa đất này là của gia đình ông Giang Văn P. Ông P được Sở xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà năm 1985 với nội dung: Diện tích xây dựng 75m², diện tích vườn được phép sử dụng 125m². Năm 1990, gia đình ông P bán nhà, đất cho vợ chồng bà C.

[3]- Thực hiện dự án xây dựng cầu vượt mới, UBND thành phố Biên Hòa ban hành Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Ngọc L (chồng bà C), theo đó chỉ bồi thường tài sản trên đất. Bà C khiếu nại, Chủ tịch UBND TP. Biên Hòa đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại 2492/QĐ-UBND ngày 24/5/2016, không chấp nhận khiếu nại của bà C về yêu cầu được bồi thường đất bị thu hồi diện tích 47,6m². Bà C khiếu nại lên UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 26/9/2016, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số 3094/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị C, không chấp nhận yêu cầu của bà C, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại 2492/QĐ-UBND.

[4]- Do một phần diện tích 41,4m² đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ nên sau khi xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình bà C có sai sót thì UBND thành phố Biên Hòa đã ban hành Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số AD9 619331 ngày 15/5/2006 cấp cho ông L, bà C với lý do: Trong diện tích 249,7m² cấp giấy chứng nhận QSDĐ có 41,4m² đất hành lang bảo vệ đường bộ tuyến quốc lộ 51 đã thực hiện giải phóng mặt bằng năm 1997. Bà C, ông L khiếu nại Quyết định số 3181/QĐ-UBND. Chủ tịch UBND TP. Biên Hòa đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 4598/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 bác yêu cầu khiếu nại của ông L, bà C. Bà C, ông L tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 997/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 bác khiếu nại của ông L, bà C, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 4598/QĐ-UBND. Bà C đã khởi kiện Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 và tại bản án số 06/2017/HC-ST ngày 25/8/2017 TAND tỉnh Đồng Nai đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà C.

Bà C trình bày tại phiên tòa hôm nay: Bà kháng cáo bản án số 06/2017/HC-ST lên TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng kháng cáo của bà không được chấp nhận.

Như vậy, Quyết định số 3181/QĐ-UBND hiện có hiệu lực pháp luật nên gia đình bà C không được QSD diện tích đất 41,4m² nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ.

[5]- Xét thấy: Theo hồ sơ vụ án (BL: 210, 213) và nội dung quyết định số 3094/QĐ-UBND thì Nhà nước chỉ thu hồi của gia đình là 22,6m² đất nằm trong diện tích 41,4m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ tuyến quốc lộ 51. Gia đình bà C đã được bồi thường tài sản trên đất theo Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 30/7/2014, không được bồi thường về đất.

[6]- Theo nhận định tại mục [4] nêu trên thì diện tích đất 22,6m² Nhà nước thu hồi không còn nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình bà C, gia đình bà C không có quyền sử dụng diện tích đất này. Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 thì hộ bà C không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi bị thu hồi.

[7]- Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bà C phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị C; giữ nguyên quyết định của bản án số 12/2018/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C về yêu cầu hủy Quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị C

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị C phải chịu 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 500.000đ nộp tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 7402 ngày 25/11/2016 và số 5128 ngày 11/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 17/7/2019

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- NKK;
- NBK;
- NLQ;
- Lưu: HS, VP, 17bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng